**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TOÁN - LỚP 3 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO**

**BẢNG NHÂN 8**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Thành lập bảng nhân 8.

- Bước đầu ghi nhớ bảng nhân 8.

- Vận dụng bảng để tính nhẩm.

- Giải toán có nội dung thực tế.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên (GV): Các tấm bìa có 8 chấm tròn; hình ảnh dùng cho phần Khởi động.

- Học sinh (HS): Các tấm bìa có 8 chấm tròn.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi. |
| - GV giới thiệu hình ảnh con nhện.- GV: Mỗi con nhện có 8 cái chân. Hãy cho cô biết 9 con nhện có bao nhiêu các chân?- GV yêu cầu HS nêu cách tính.- Yêu cầu HS hãy viết phép tính nhân số chân của 9 con nhện rồi tìm kết quả phép nhân. - GV nói tác dụng của bảng nhân:Để tìm kết quả của phép nhân ta đã chuyển về tính tổng các số hạng bằng nhau hoặc đếm thêm, việc này tốn thời gian. Nếu ta thành lập một bảng nhân và ghi nhớ bảng nhân đó thì sẽ dễ dàng tìm được kết quả của các phép nhân trong bảng.- GV giới thiệu bài mới “Bảng nhân 8”. | - HS quan sát.- HS trả lời: 72 cái chân.- Có nhiều cách tính kết quả:+ Chuyển về tổng các số hạng bằng nhau. 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 + 8 = 72+ Cũng có thể đếm thêm 8 để tìm kết quả phép nhân. (8, 16, 24, 32, 40, 48, 56, 64, 72)- 8 x 9 = 72.- HS lắng nghe.- HS nhắc lại tựa bài. |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (30 phút)** |
| **2.1 Hoạt động 1 (12 phút): Khám phá**a. Mục tiêu: Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trực quan, nhóm đôi, không sử dụng SGK. |
| - GV giới thiệu bảng nhân 8 chưa có kết quả, yêu cầu HS nhận xét về các thừa số có trong bảng nhân 8. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, tìm kết quả hai phép nhân liên tiếp trong bảng.- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết quả.- GV lắng nghe câu trả lời của HS và hoàn thiện bảng nhân. Yêu cầu HS nêu cách tính.- GV dùng trực quan minh họa hai tích liên tiếp trong bảng hơn kém nhau 8 đơn vị.\* Học thuộc bảng nhân 8 (HS sử dụng SGK).- Yêu cầu học sinh đọc đề bài, nhận xét về bài toán. - GV tổ chức để HS lần lượt đọc dãy số (đọc xuôi, đọc ngược, đoc từ một số bất kì trong dãy). Việc đọc sẽ kết thúc khi HS ghi nhớ dãy số. Có thể kết hợp với việc đưa ngón tay làm chỗ dựa trực quan cho HS khó khăn trong việc học thuộc lòng.- Yêu cầu HS đọc và thực hiện yêu cầu bài tập. - GV chỉ lần lượt các số để HS đọc các phép nhân và bước đầu thuộc bảng. | - HS nhận biết thừa số thứ nhất là 8, thừa số thứ hai là số lần lượt từ 1 đến 10.- HS thảo luận nhóm đôi.- HS trình bày kết quả thảo luận:+ Có thể tìm được ngay kết quả của 7 phép nhân đầu:8 x 1 = 8 (Một số nhân với 1 bằng chính số đó)8 x 2 = 2 x 8 = 16 …8 x 7 = 7 x 8 = 56+ Từ 8 x 8, ta có thể tìm tích bằng nhiều cách. Chẳng hạn:Dùng tấm bìa vẽ 8 chấm tròn.Chuyển về tổng các số hạng bằng nhau.+ Cách nhanh nhất là cộng thêm 8 vào tích ngay trước…- HS quan sát, lắng nghe.- HS nhận biết đây là dãy số đếm thêm 8 và cũng là các tích trong bảng nhân 8.- HS thực hiện theo yêu cầu của GV.- HS có thể sử dụng bảng hoặc sử dụng các ngón tay, đếm thêm 8 để tìm kết quả các phép nhân trong bảng (nếu HS gặp khó khăn khi đưa các ngón tay thì hướng dãn các em đặt úp hai bàn tay trên bàn để thực hành).- HS học thuộc các phép tính nhân màu đỏ trong bảng và nhận biết có thể tìm kết quả của các phép nhân khác dựa vào ba phép nhân này. |
| **2.2 Hoạt động 2 (15 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức vừa học so sánh hai số, giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính số ngày trong tuần, giải toán có nội dung thực tế.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trực quan, thực hành, các nhân, nhóm 4. |
| **Bài 1: Tính nhẩm.**-Yêu cầu HS đọc đề bài và đưa ra nhận xét tổng quát. - Các phép nhân còn lại làm như thế nào?- Yêu cầu HS làm bài vào tập.- GV gọi 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp.- GV sửa bài, nhận xét, tuyên dương.**Bài 2. Một chiếc xe có 18 bánh xe. Hỏi 8 chiếc xe như thế có bao nhiêu bánh xe?**- Yêu cầu HS đọc đề và tìm hiểu bài toán.- Yêu cầu HS động não tìm ra cách giải bài toán.- Yêu cầu HS trình bày bài làm vào tập.- HS trình bày bài giải.- Mời HS khác kiểm tra, nhận xét.- GV sửa bài, nhận xét, tuyên dương. | - HS quan sát một cách tổng quát, nhận biết các trường hợp đặc biệt:+ Phép nhân có thừa số là 0 (Áp dụng nhận xét khái quát).+ Phép nhân có thừa số là 2, 3, 4, 5, 6 hoặc 7 (dùng tính chất giao hoán và các bảng nhân 2, 3, 4, 5, 6, 7 đã học).- Các phép nhân còn lại có thể có nhiều cách làm theo thứ tự ưu tiên sau:+ Thuộc bảng.+ Đếm thêm 8 (đếm từ đầu hoặc dựa vào các phép nhân màu đỏ).+ Chuyển về tổng các số hàng bằng nhau. - HS thực hiện yêu cầu.- HS trình bày kết quả.- HS tìm hiểu bài, xác định đề bài cho gì và hỏi gì.- HS tìm cách giải.+ 18 chiếc bánh xe được lặp lại.+ 18 được lấy lại 8 lần nên có phép nhân 18 x 8.- HS thực hiện yêu cầu.- HS lên bảng làm bài.Bài giảiSố bánh xe 8 chiếc xe như thế có là:18 x 8 = 144 (bánh xe)Đáp số: 144 bánh xe.- HS lắng nghe. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Trò chơi.  |
| - Chơi trò “Đố số chân các con nhện” các phép tính trong bảng nhân 8.- GV nói thêm về lợi ích của nhện để một số Hs không ác cảm với nhện: bắt ruồi, muỗi, …- Nhận xét tiết học, chuẩn bị tiết học tiếp theo. | - HS tham gia trò chơi.- HS lắng nghe. |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................